



TỔ BIÊN TẬP: BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ĐOÀN BẠC LIÊU



CHỦ ĐIỂM SINH HOẠT

Tháng 9

“Vang mãi lời thề độc lập”

Nội dung trọng tâm

- Tuyên truyền kỷ niệm 78 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2023); khẳng định tầm vóc thời đại và ý nghĩa lịch sử của sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, chấm dứt chế độ thực dân phong kiến ở nước ta, đồng thời mở ra một kỷ nguyên mới “*Kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội*”; Nhân dân ta làm chủ vận mệnh của mình để thực hiện quyền độc lập, tự do và hạnh phúc; tuyên truyền những thành quả to lớn mà Đảng và Nhân dân ta đã đạt được trong 78 năm xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

- Tuyên truyền về cuộc đời, thân thế, sự nghiệp và những công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh; tôn vinh những cống hiến vĩ đại của Người đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam, với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế gắn với 54 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (02/9/1969 - 02/9/2023). Tuyên truyền về Đại hội thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác toàn quốc lần thứ VII.

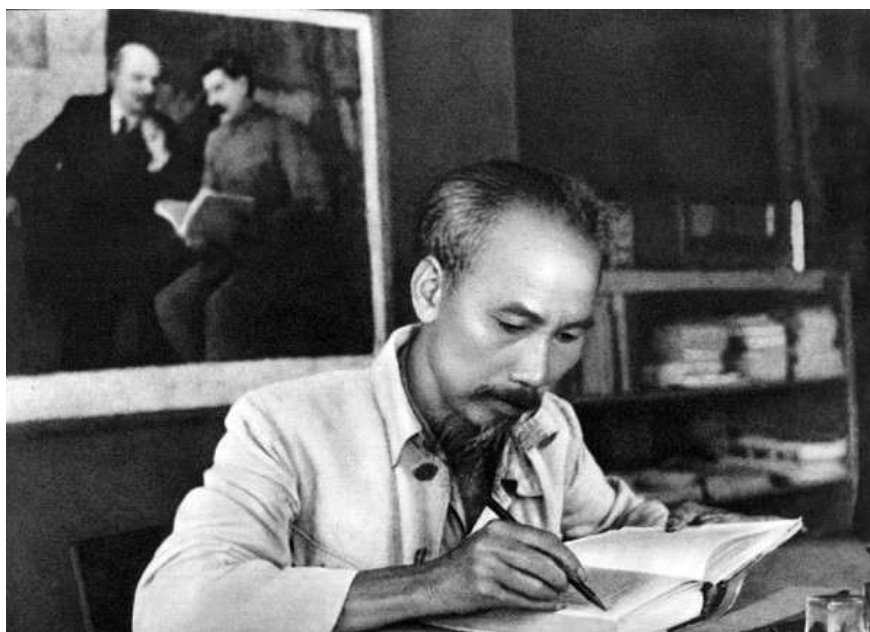
- Hưởng ứng Tháng An toàn giao thông năm 2023, tập trung tuyên truyền, phổ biến tới đoàn viên, thanh niên, học sinh và nhân dân về Luật giao thông đường bộ, quy định về nồng độ cồn trong lĩnh vực giao thông, hướng dẫn mọi người chấp hành tốt luật giao thông khi tham gia giao thông, góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông, đồng thời vận động gia đình, người thân và cộng đồng chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về luật an toàn giao thông. Mỗi đoàn viên, thanh niên tiên phong, xung kích đi đầu, gương mẫu thực hiện góp phần tuyên truyền rộng rãi “*văn hóa giao thông*” đến cộng đồng.

- Thành lập, duy trì và tăng cường các đội thanh niên tình nguyện, thanh niên xung kích bảo đảm trật tự an toàn giao thông; nhân rộng các mô hình “*Cổng trường an toàn giao thông*”, “*Bến đò ngang an toàn*”,... tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và quản lý giao thông.

I. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Biểu tượng của tinh hoa và khí phách dân tộc Việt Nam

“Người là tượng trưng cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam, cho ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam suốt bốn nghìn năm lịch sử. “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.



Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phòng làm việc của Người ở căn cứ Việt Bắc. (Ảnh tư liệu)

Tất cả những gì tốt đẹp nhất của dân tộc ta trong hàng nghìn năm lịch sử đều được kết tinh, hun đúc, sống dậy, tràn đầy sức mạnh hơn bao giờ hết trong cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, trong thời đại Hồ Chí Minh. Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh hàm chứa những giá trị tinh thần cao quý như độc lập, tự do, hạnh phúc, loại bỏ bất công, bất bình đẳng, hòa bình và công lý, một thế giới mới chống lại đói nghèo, bệnh tật, dốt nát.

Chủ nghĩa yêu nước, giá trị hàng đầu, nhất quán, sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử Việt Nam xuất hiện từ thời cổ đại, phát triển qua các giai đoạn lịch sử, đến thời đại Hồ Chí Minh, là một triết lý xã hội và nhân sinh của người Việt Nam và nếu dùng từ “đạo” với nguyên nghĩa của nó là “đường”, là hướng đi thì đích thực là đạo Việt Nam. Trải qua các giai đoạn lịch sử từ cái nôi Văn Lang - Âu Lạc đến thời kỳ nghìn năm Bắc thuộc chống đô hộ Hán, Đường, qua kháng chiến chống xâm lược thế kỷ X đến thế kỷ XVIII, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có cách biểu hiện cao thấp, sắc thái khác nhau, nhưng ngày càng phát triển cả bề rộng và sâu, đậm đà cốt cách Việt Nam. Đến giai đoạn lịch sử cận đại, khi triều Nguyễn lên ngôi, giai cấp phong kiến Việt Nam từng bước từ bỏ ngọn cờ yêu nước, giai cấp tư sản không đủ sức giương cao ngọn cờ yêu nước, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được giai cấp công nhân nâng lên một tầm cao mới.

Được ánh sáng khoa học, cách mạng và nhân văn của chủ nghĩa Lênin (*chủ nghĩa Mác - Lênin*) soi sáng, Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản. Từ đó trở đi, Người cùng với Đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam - Đảng do Người sáng lập và rèn luyện - phát kiên lại chủ nghĩa yêu nước truyền thống, đưa vào những nội dung mới, chất lượng mới, trở thành một bộ phận của tinh thần quốc tế, kết hợp nhuần nhuyễn, phát huy một cách hài hòa với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong toàn bộ tiến trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi chủ nghĩa yêu nước là thứ của quý, động lực tinh thần lớn nhất cho cách mạng, kháng chiến và xây dựng. Người khẳng định: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”*. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh thần yêu nước *“có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng, dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến”*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh phát kiên lại chủ nghĩa yêu nước truyền thống không phải bằng lý luận, sách vở thuần túy mà chủ yếu thông qua thực tiễn giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Người sử dụng liên tục chủ nghĩa yêu nước như một vũ khí và rèn luyện vũ khí ấy ngày càng sắc bén trong trường kỳ cách mạng và kháng chiến. Người chỉ rõ: *“Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân ta đã mấy năm trường chịu đựng trăm đắng nghìn cay, kiên quyết đánh cho tan bọn thực dân cướp nước và bọn Việt gian phản quốc, kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới”*.

Sau gần 90 năm (1858-1945), dân tộc ta đánh Pháp, Nhật và chế độ phong kiến với tinh thần Hồ Chí Minh trong lời hiệu triệu: *“Dân ta một cổ hai tròng. Đã làm trâu ngựa cho Tây, lại làm nô lệ cho Nhật. Trước tình cảnh đau đớn, xót xa ấy, ta có chịu khoanh tay chờ chết không? Không, quyết không! Hơn 20 triệu con Lạc cháu Hồng quyết không chịu làm vong quốc nô lệ mãi!... Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kẻ vai gánh vác một phần trách nhiệm”*. Cuối cùng, chúng ta đã thắng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Dân tộc ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa... Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”*

Khi thực dân Pháp trở lại cướp nước ta một lần nữa, lời hịch của ông cha ta tự ngàn xưa vang vọng trong lời hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Chúng ta phải đứng lên... Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh*

thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy, gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước". Sau chín năm “*khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt, máu trộn bùn non, gan không núng, chí không mòn, đem thân làm giá súng*”, chúng ta đã viết nên thiên sử vàng Điện Biên, lưng lẩy năm châu, chấn động địa cầu.

Hơn hai mươi năm tiếp theo, khi đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ở cả miền Nam và miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh tỏ rõ hào khí Việt Nam, khẳng khái tuyên bố rằng đế quốc Mỹ có thể đưa 50 vạn quân, 1 triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng. “*Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”. “*Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn... Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà*”. Cuối cùng, Mỹ phải rút, ngụy phải nhào, Tổ quốc thống nhất, giang sơn thu về một mối. Chúng ta “*có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc*”.

Nhiều dân tộc trên thế giới bị xâm lược và đứng lên chống xâm lược, không riêng Việt Nam, nhưng như Việt Nam thì không nhiều. Nhiều người nước ngoài không hiểu nổi sức mạnh của dân tộc Việt Nam là gì? Vì sao dân tộc Việt Nam thời trung đại, không những không bị Hán hóa, mà còn giành được độc lập dân tộc? Ba lần đánh bại quân Mông, Nguyên, những kẻ luôn luôn chiến thắng từ Á sang Âu? Từ một nước nông nghiệp, khoa học kỹ thuật kém phát triển, đã vùng lên giải phóng, đánh bại các cuộc xâm lược của các đế quốc hùng mạnh là Pháp và Mỹ? Còn nhiều câu hỏi vẫn phải tiếp tục tìm câu trả lời hoàn toàn thuyết phục.



Bác Hồ đi Chiến dịch Đông Khê (Ảnh tư liệu)

Việt Nam đất không rộng, người không đông, vũ khí súng đạn không nhiều, không lớn, luôn phải đối mặt với những cường quốc to lớn hơn mình gấp nhiều lần. Vậy khí phách của dân tộc Việt Nam là gì? Câu trả lời nằm ở chỗ một dân tộc biết đặt tâm lý tinh thần độc lập tự cường lên hàng đầu; luôn coi trọng luân lý biết hy sinh lợi ích cá nhân mình, làm lợi cho quần chúng. Những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh kéo dài hàng nghìn năm đã nhào nặn tâm hồn Việt Nam, đạo lý và khí phách Việt Nam. Chúng ta tự hào về một dân tộc rắn rỏi, kiên trung, hiên ngang, có tinh thần độc lập tự chủ, lạc quan, sáng tạo, thương người, chính nghĩa, đại nghĩa, trước *“sóng cả không ngã tay chèo”*.

Những giá trị đó có tự ngàn xưa, được vun bồi, kết tinh, sống dậy trong Hồ Chí Minh, phát sáng hào quang. Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng rực rỡ của cuộc chiến đấu giành tự do; là mẫu mực xuất chúng về mọi đức tính nhân đạo, tượng trưng cho tinh thần của dân tộc *“đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”*; *“một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”*; *“muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp mình đã”*. Để khởi nghĩa thắng lợi, Người khái quát và nâng cao tinh thần, khí phách của dân tộc: *“Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”*.

Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương tuyệt vời về nhiệt tình, chí khí cách mạng kiên cường, khí phách anh hùng, tinh thần độc lập tự do, một lòng kiên trì cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ, lâu dài, phức tạp, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng; thắng không kiêu, bại không nản. Chủ tịch Hồ Chí Minh tỏ rõ phẩm chất của một nhà yêu nước chân chính, một chiến sĩ cách mạng vô sản dũng cảm kiên cường, triệt để, suốt đời hy sinh phấn đấu với niềm tin và tư thế của một người chiến thắng. Đó là khí phách và khát vọng của những người được sứ mạng lịch sử trao cho là đánh đổ xã hội cũ áp bức, bóc lột, bất công, xây dựng xã hội mới của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy dân làm gốc.

Nguyễn Trãi viết: *“Lấy đại nghĩa thắng hùng tàn/Dùng chí nhân thay cường bạo”*.

*“Xã tắc từ đây vững bền
Giang sơn từ đây đổi mới
Càn khôn bĩ rồi lại thái
Nhật nguyệt tối rồi lại minh
Để mở nền muôn thuở thái bình
Để rửa nỗi nghìn thu sỉ nhục”*.

Đó là một khía cạnh đặc trưng thuộc tinh hoa và khí phách của dân tộc Việt Nam - tinh hoa và khí phách về khát vọng đổi mới, hạnh phúc và phát triển bền vững, thái bình. Hồ Chí Minh tiếp nối, phát triển, nâng cao khát vọng đó với tâm nguyện đến ngày thắng lợi sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn,

hơn mười ngày nay. Trong *Di chúc*, Người viết: “*Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*”.

Thế giới khẳng định Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ cộng sản theo chủ nghĩa quốc tế, đồng thời tượng trưng cho dân tộc mình, một dân tộc trải qua hàng nghìn năm lịch sử, từ thời cổ trung đại đến cận hiện đại đã tiến hành liên tục các cuộc đấu tranh anh hùng để bênh vực những giá trị đạo đức cao cả, chân chính không chỉ đối với dân tộc Việt Nam mà cả với nhân loại, đó là quyền sống, độc lập, tự do, hạnh phúc, công lý cho mọi dân tộc và vì mọi người, bình đẳng giữa các dân tộc, thế giới hòa bình.

Năm 1980, trên cương vị Chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới, Rômét Chandra nhấn mạnh: “*Bất cứ nơi nào chiến đấu cho độc lập tự do, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu chiến đấu cho hòa bình và công lý, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Ở bất cứ đâu nhân dân chiến đấu cho một thế giới mới, chống lại đói nghèo, ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao*”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tỏ rõ phẩm chất của một nhà yêu nước chân chính, một chiến sĩ cách mạng vô sản dũng cảm kiên cường, triệt để, suốt đời hy sinh phấn đấu với niềm tin và tư thế của một người chiến thắng. Đó là khí phách và khát vọng của những người được sứ mạng lịch sử trao cho là đánh đổ xã hội cũ áp bức, bóc lột, bất công, xây dựng xã hội mới của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy dân làm gốc.

Hai mươi năm sau, năm 2000, trên cương vị Chủ tịch danh dự Hội đồng Hòa bình thế giới, phát biểu trong Hội thảo quốc tế “*Việt Nam trong thế kỷ XX*”, Rômét Chandra có một phát hiện độc đáo khác: “*Trong nửa sau thế kỷ XX, có một từ đã xuất hiện trong tiếng nói của những người bảo vệ và kiến tạo hòa bình trên thế giới, một từ mà cùng một lúc mang rất nhiều ý nghĩa: đấu tranh, dũng cảm, anh hùng; và nó còn có ý nghĩa là chiến thắng, độc lập, tự do. Từ đó là Việt Nam. Và có một cái tên luôn luôn gắn với từ này - từ chỉ tên của một đất nước. Đó là Hồ Chí Minh... Người là niềm cảm hứng cho cuộc đấu tranh bất khuất của dân tộc mình, và cũng là nguồn cảm hứng cho tất cả các dân tộc đang đấu tranh cho những điều tốt đẹp nhất của nhân loại. Lời nói bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” đã vang vọng khắp mọi nơi và nó đã được phụ nữ, nam giới trên khắp các châu lục, những người đang chiến đấu để giành lấy những mục tiêu thiêng liêng đó, hưởng ứng*”.

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc khẳng định Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại một dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại, “*một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự*

nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”.

Vĩnh biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta khẳng định: *“Người là tượng trưng cho tinh hoa của dân tộc Việt Nam, cho ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân Việt Nam suốt bốn nghìn năm lịch sử. “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.* Đó là lời kêu gọi cứu nước khẩn thiết hiện nay của Tổ quốc, là lời hịch của ông cha ta vang vọng tự ngàn xưa, là nghĩa vụ thiêng liêng của chúng ta đối với muôn đời con cháu”. Người *“là linh hồn, là ngọn cờ chói lọi, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, viết nên những trang sử vẻ vang nhất của Tổ quốc ta”.*

Đánh giá, ghi nhận của Đảng ta và bè bạn quốc tế là sự khái quát cao, cô đọng, súc tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh, biểu tượng cho tinh hoa và khí phách của nhân dân Việt Nam anh hùng.

(Nguồn: Hochiminh.vn)

II. DI TÍCH LỊCH SỬ TRONG NƯỚC

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, còn gọi là Lăng Hồ Chủ tịch, Lăng Bác, là nơi gìn giữ di hài Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lăng được chính thức khởi công ngày 2 tháng 9 năm 1973, tại vị trí của lễ đài cũ giữa Quảng trường Ba Đình, nơi Hồ Chí Minh từng chủ trì các cuộc gặp mặt quan trọng.

Lăng được khánh thành vào ngày 29 tháng 8 năm 1975, gồm 3 lớp với chiều cao 21,6 mét, chiều rộng 41,2 mét lớp dưới tạo dáng bậc thềm tam cấp, lớp giữa là kết cấu trung tâm của lăng gồm phòng thi hài và những hành lang, những cầu thang. Bên ngoài lăng được ốp bằng đá granite xám, bên trong làm bằng đá xám và đỏ được đánh bóng. Quanh bốn mặt là những hàng cột vuông bằng đá hoa cương, lớp trên cùng là mái lăng hình tam cấp. Ở mặt chính có dòng chữ: *"CHỦ TỊCH HỒ-CHÍ-MINH"* bằng đá hồng màu mận chín. Xung quanh lăng là các khu vườn nơi hơn 250 loài thực vật được trồng từ khắp mọi miền của Việt Nam.

Trong di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn được hỏa táng và đặt tro tại ba miền đất nước. Tuy nhiên với lý do tuân theo nguyện vọng và tình cảm của người dân, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III quyết định giữ gìn lâu dài thi hài chủ tịch Hồ Chí Minh để sau này người dân cả nước, nhất là người dân miền Nam, du khách quốc tế có thể tới viếng.

Năm 1969, ngay trước khi Hồ Chí Minh qua đời, một chuyên viên Liên Xô đã bí mật đến Hà Nội để cố vấn các chuyên gia Việt Nam về công nghệ ướp xác. Tháng 3 năm sau, một nhóm chuyên viên người Việt đến Moskva để tham

khảo thêm và báo cáo về tình hình nắm giữ công nghệ này. Lúc này, đây là đề tài nhạy cảm trong các nhà lãnh đạo Đảng vì theo di chúc Hồ Chí Minh có nguyện vọng được hỏa táng. Tuy nhiên, Lê Duẩn đã từng đề nghị Hồ Chí Minh nên cho bảo quản thi hài lâu dài để đồng bào miền Nam và cả nước được đến thăm, nghe vậy Hồ Chí Minh không nói gì. Ngay vào thời điểm ông mất, Bộ Chính trị vẫn chưa có quyết định cuối cùng về việc này.

Theo báo chí trong nước, trong lễ truy điệu, đến dự có đoàn đại biểu của Đảng Cộng sản Liên Xô do chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Aleksey Kosygin dẫn đầu đến viếng. Hơn 1 giờ sáng, sau cuộc họp Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Lê Duẩn đến nhà khách của Chính phủ và nói với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô:

Các đồng chí biết Bác Hồ của chúng tôi đối với dân tộc Việt Nam là thiêng liêng như thế nào. Nhất là đối với đồng bào miền Nam, họ hy sinh chiến đấu để được độc lập, thống nhất và cũng là để được gặp Bác cho toại nguyện. Bác cũng rất muốn vào Nam gặp đồng bào Miền Nam, nhưng sức khỏe của Bác không cho phép. Vì vậy chúng tôi phải giữ thi thể của Bác để đồng bào Miền Nam chúng tôi được thấy dung nhan của Bác sau ngày chiến thắng.

Lê Duẩn đã đề nghị cho chuyên gia Liên Xô sang gấp để bảo quản thi hài. Chủ tịch đoàn Liên Xô cứng rắn nói rằng phải đưa thi hài sang Liên Xô. Lúc đó, Lê Duẩn đã khóc và bác bỏ: *"Không thể được, theo phong tục Việt Nam, Người phải ở lại với đồng bào chúng tôi!"*. Ông nói: *Nếu Liên Xô nói phải đưa thi thể Bác sang Liên Xô mới giữ được thì chúng tôi đành phải chôn Bác, bởi vì nếu chúng tôi đưa Bác sang thì nhân dân chúng tôi sẽ nói Bộ Chính trị đã phản bội, đưa Bác đi đâu rồi! Và khi quyết định chôn Bác, chúng tôi sẽ nói với đồng bào chúng tôi: Chỉ có Liên Xô mới có kỹ thuật giữ thi thể của Bác, nhưng vì Liên Xô không chịu làm, nên Bộ Chính trị đau lòng gạt nước mắt để chôn Bác.*

Chủ tịch đoàn lập tức điện về Liên Xô, xin ý kiến và đã đồng ý cử ngay chuyên gia sang Việt Nam giúp bảo quản thi hài.

Theo tiết lộ gần 50 năm sau của Giáo sư Viện sĩ Yuri Lopukhin, thì đoàn chuyên gia Liên Xô đã qua trước đó mấy ngày. Ngày 28 tháng 8 năm 1969, khi bệnh tình của chủ tịch Hồ Chí Minh trở nên rất nặng, Giáo sư Viện sĩ Yuri Lopukhin, cựu Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Moscow số 2 và 4 chuyên gia Liên Xô khác từ Viện Lăng Lenin đã được mời sang Hà Nội. Việc ướp thi hài của Hồ Chí Minh được thực hiện vào bảy ngày sau đó tại Viện Quân y 108 ở Hà Nội, khi Người qua đời. Tính từ năm 1969 đến 2014, đã có 82 chuyên gia y tế Liên Xô (sau này là Nga) qua giúp Việt Nam trong việc này.

* *Quá trình thiết kế lăng:*

Sau Lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh, *"Ban phụ trách quy hoạch A"*, trong đó có các ông Nguyễn Lương Bằng, Trần Quốc Hoàn, Phùng Thế Tài, bắt đầu nghiên cứu quy hoạch xây dựng Lăng Hồ Chủ tịch. Tháng 1 năm 1970, Chính phủ Liên Xô cử một đoàn cán bộ sang Việt Nam bàn về thiết kế và thông báo sẽ giúp đỡ kỹ thuật trong thiết kế, xây dựng và trang bị cho Lăng. Các chuyên gia Liên Xô chuẩn bị 5 phương án về bố trí cụm tổng thể của Lăng. Sau thời gian ngắn, Bộ Chính trị

Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua "*Dự thảo nhiệm vụ thiết kế Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh*" do các chuyên gia Liên Xô và Việt Nam đưa ra.

Tin tức về việc xây dựng Lăng Hồ Chí Minh được lan truyền trong nhân dân, nhiều người Việt Nam ở cả hai miền Nam, Bắc và Việt kiều ở nước ngoài gửi thư về đóng góp ý kiến. Theo nguyện vọng của nhân dân, Bộ Chính trị quyết định lùi việc duyệt bản thiết kế sơ bộ đã được thông qua. Một đợt sáng tác mẫu thiết kế Lăng được tổ chức, các mẫu được trưng bày và lấy ý kiến của nhân dân. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/1970 tới 8/1970, có 200 phương án thiết kế được gửi đến, trong đó có 24 phương án được chọn lựa và đem trưng bày tại Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Sơn La và Nghệ An. 745.487 lượt người đã tới thăm và 34.022 người tham gia ý kiến. Kết thúc đợt triển lãm và lấy ý kiến, bản "*thiết kế sơ bộ*" tổng hợp các ý kiến của nhân dân được mang sang Liên Xô. Sau 3 tuần làm việc, phương án thiết kế sơ bộ của Việt Nam được Liên Xô chấp nhận.

Lăng được thiết kế để có độ bền vững cao, chống được bom đạn và động đất cường độ 7 richter. Ngoài ra còn có công trình bảo vệ đặc biệt chống lụt phòng khi Hà Nội bị vỡ đê. Kính quan tài phải chịu được xung lực cơ học lớn. Lăng còn được thiết kế thêm "*buồng đặc biệt*" để có thể giữ thi hài tại chỗ trong trường hợp có chiến tranh.

Việc thiết kế hết 2 năm.

Lăng được xây dựng trên nền cũ của tòa lễ đài giữa Quảng trường Ba Đình, nơi Hồ Chí Minh chủ trì các cuộc mít tinh lớn và đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Lăng được chính thức khởi công xây dựng vào ngày 2 tháng 9 năm 1973.

Vật liệu xây dựng được mang về từ nhiều miền trên cả nước. Cát được lấy từ các con suối thuộc Xã Kim Tiến, Huyện Kim Bôi, Tỉnh Hòa Bình do người dân tộc Mường đem về; đá cuội được chuyển từ các con suối vùng Sơn Dương, Chiêm Hoá, Ngòi Thìa, Tuyên Quang...; đá chọn xây lăng từ khắp các nơi: đá Nhồi ở Thanh Hoá, đá Hoa (Chùa Thầy), đá đỏ núi Non Nước...; đá dăm được đưa từ mỏ đá Hoàng Thi (Thác Bà, Yên Bái), còn cát lấy từ Thanh Xuyên (Thái Nguyên). Nhân dân dọc dãy Trường Sơn còn gửi ra 16 loại gỗ quý. Các loài cây từ khắp các miền được mang về đây như: cây chò nâu ở Đền Hùng, hoa ban ở Điện Biên-Lai Châu, tre từ Cao Bằng... Thanh thiếu niên còn tổ chức buổi tham gia lao động trong việc mài đá, nhô cỏ, trồng cây. Hệ thống điện phục vụ chiếu sáng, thiết kế xây lăng và bảo quản thi hài Hồ Chí Minh do các chuyên gia Liên Xô đảm nhiệm. Liên Xô cũng gửi hai vụn tấm đá hoa cương và cẩm thạch mài nhẵn để trang trí cho Lăng.

Về thi hài của Hồ Chí Minh, thì theo tiết lộ của Lý Chí Thỏa, bác sĩ riêng của Mao Trạch Đông thì khi Mao Trạch Đông mất năm 1976, vì lúc đó quan hệ Trung Quốc với Liên Xô đang xấu nên thay vì qua Liên Xô tham khảo cách giữ thi hài, họ gửi hai người đến Hà Nội để học hỏi cách bảo quản thi hài, theo cách bảo quản thi hài Hồ Chí Minh tại Lăng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, chuyến đi không kết quả vì Việt Nam từ chối chia sẻ kinh nghiệm và còn không cho các nhà khoa học Trung Quốc xem thi hài Hồ Chí Minh trên đỉnh lăng là hàng chữ Chủ tịch Hồ Chí

Minh ghép bằng đá ngọc màu đỏ thẫm của Cao Bằng. Cửa lăng làm từ các cây gỗ quý từ Tây Nguyên. Tiền sảnh ốp đá hoa cương vân đỏ hồng, làm nền cho dòng chữ "*Không có gì quý hơn Độc lập Tự do*" và chữ ký của Hồ Chí Minh được dát bằng vàng. 200 bộ cửa trong Lăng được làm từ các loại gỗ quý do nhân dân Nam Bộ, Tây Nguyên, Quảng Nam - Đà Nẵng, và bộ đội Trường Sơn gửi ra, và do các nghệ nhân nghề mộc của Nam Hà, Hà Bắc, và Nghệ An thực hiện. Bãi cỏ trước lăng gồm 18000 m² cỏ gừng, một loại cỏ bản địa ở miền Nam do nghệ nhân Nguyễn Văn Hoà trồng. Cánh cửa vào phòng đặt thi hài do hai cha con nghệ nhân ở làng Gia Hòa đóng. Hai bên cửa chính là hai cây hoa đại. Phía trước và phía sau lăng trồng 79 cây vạn tuế tượng trưng cho số tuổi 79 của Hồ Chủ tịch. Hai bên phía nam và bắc của lăng là hai rặng tre, loại cây biểu tượng cho nước Việt Nam. Trước cửa lăng luôn có hai người lính đứng gác, 1 giờ đổi gác một lần.



(Mặt tiền của lăng)

Chính giữa lăng là phòng đặt thi hài ốp đá cẩm thạch Hà Tây. Trên tường có 2 lá quốc kỳ và đảng kỳ lớn, ghép từ 4.000 miếng đá hồng ngọc Thanh Hóa, hình búa liềm và sao vàng được ghép bằng đá cẩm vân màu vàng sáng. Thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt trong hòm kính. Qua lớp kính trong suốt, thi hài của Hồ Chí Minh nằm trong bộ quân áo ka ki bạc màu, dưới chân có đặt một đôi dép cao su. Trong những dịp có người viếng lăng, sẽ có bốn người lính đứng gác. Chiếc hòm kính đặt thi hài là một công trình kỹ thuật và nghệ thuật do những người thợ bậc thầy của hai nước Việt - Xô chế tác. Giường được chế tác bằng đồng, có dải hoa văn bông sen được cách điệu, ba mặt giường lắp kính có độ chịu xung lực cao. Nóc giường bằng kim loại, có hệ thống chiếu sáng và hệ thống điều hòa tự động. Giường được đặt trên bệ đá, có hệ thống thang máy tự động.

Lăng có hình vuông, mỗi cạnh 30m, cửa quay sang phía Đông, hai phía Nam và Bắc có hai lễ đài dài 65 m dành cho khách trong những dịp lễ lớn. Trước lăng là Quảng trường Ba Đình với một đường dành cho lễ diễu binh, duyệt binh, và một thảm cỏ dài 380 m chia thành 210 ô vuông cỏ xanh tươi suốt bốn mùa. Trước mặt lăng là cột cờ, Lễ thượng cờ được bắt đầu vào lúc 6 giờ sáng (mùa nóng); 6 giờ 30 phút sáng (mùa lạnh) và Lễ hạ cờ diễn ra lúc 9 giờ tối hàng ngày. Thẳng tiếp qua

sân cỏ là đường Bắc Sơn, có trồng hoa hồng đỏ và hoa đào. Tận cùng đường Bắc Sơn là đài Liệt sĩ. Bên phía tây của quảng trường là khu lưu niệm Hồ Chí Minh. Tại đây có Viện bảo tàng Hồ Chí Minh, ngôi nhà sàn Hồ Chí Minh. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh thường có nhiều đoàn khách ở các tỉnh thành phố và nước ngoài đến thăm viếng.



(Bụi tre bên Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Rất nhiều cá nhân và đoàn thể đến viếng lăng vào các ngày lễ, các ngày kỷ niệm quan trọng của Việt Nam.

Lăng không thu phí vào cửa và khách viếng thăm buộc phải tuân theo những yêu cầu như ăn mặc chỉnh tề, không đem máy ảnh, điện thoại di động có chức năng quay phim, chụp ảnh, tắt điện thoại, không mang đồ ăn thức uống và giữ trật tự trong lăng...

Đối với khách tham quan ở xa, việc tổ chức nhà nghỉ trọ được thực hiện chu đáo, tận tình. Việc ăn phụ, giải khát, chống rét, phục vụ thương binh nặng và người già yếu đến viếng đều được nghiên cứu tổ chức chu đáo. Công tác đón tiếp khách được cải tiến, như cải tạo các nhà chờ thành hai khu vực khang trang, để trước khi vào viếng, khách có thể tạm dừng chân, ngắm những cây hoa, cây cảnh, xem những bộ phim tư liệu. Đối với các đoàn thương binh bị cụt chân, những chiến sĩ tiêu binh luôn chuẩn bị sẵn xe đẩy đặc biệt để phục vụ. Trong phòng viếng chia làm 2 hàng, hàng phía trong gần nơi đặt thi hài hơn được dành riêng cho trẻ em.

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh mở cửa 5 ngày/tuần, vào các buổi sáng thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm, thứ Bảy và Chủ nhật. Mùa nóng (từ 1/4 đến 31/10): Từ 7h30 đến 10h30; mùa lạnh (từ 1/11 đến 31/3 năm sau): Từ 8h00 đến 11h00; ngày lễ, thứ Bảy, Chủ nhật mở cửa thêm 30 phút. Hàng năm, Lăng đóng cửa để làm nhiệm vụ tu bổ định kỳ (Năm 2023: Từ ngày 12/6 đến hết ngày 14/8/2023, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh tạm ngừng tổ chức lễ viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh để làm công tác bảo dưỡng, tu bổ định kỳ năm 2023.). Ngày 19/5, 2/9 và Mồng 1 Tết Nguyên đán nếu trùng vào Thứ Hai hoặc Thứ Sáu, vẫn tổ chức lễ viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

(Nguồn: <https://vi.wikipedia.org/>)

III. THEO DÒNG LỊCH SỬ



TỈNH BẠC LIÊU

THEO DÒNG LỊCH SỬ

Tháng 9



Kỷ niệm 78 năm Ngày
Quốc khánh nước
Cộng hoà Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam
(02/9/1945 - 02/9/2023)



Kỷ niệm 54 năm
Ngày mất của
Chủ tịch Hồ Chí Minh
(02/9/1969 - 02/9/2023)



Kỷ niệm 61 năm Ngày
Thiết lập quan hệ
ngoại giao
Việt Nam - Lào
(05/9/1962 - 05/9/2023)



Kỷ niệm 68 năm
Ngày thành lập Mặt trận
Tổ quốc Việt Nam
(10/9/1955 - 10/9/2023)



Kỷ niệm 93 năm
Xô viết - Nghệ Tĩnh
(12/9/1930 - 12/9/2023)



Kỷ niệm 46 năm
Ngày Việt Nam
gia nhập
Liên Hiệp Quốc
(20/9/1977 -
20/9/2023)



Kỷ niệm 42 năm
Ngày Quốc tế Hòa
bình (21/9/1981 -
21/9/2023)



Kỷ niệm 78 năm Ngày
Nam bộ kháng chiến
(23/9/1945 - 23/9/2023)

IV. LỊCH SỬ CÁC NGÀY LỄ, KỶ NIỆM

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP – KẾT TINH VÀ TỎ SÁNG NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, trình trọng tuyên bố trước toàn dân và toàn thế giới về sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. *Tuyên ngôn độc lập* là áng văn lập quốc vĩ đại, là văn kiện có giá trị cao về tư tưởng, lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Tuyên ngôn độc lập mở ra kỷ nguyên độc lập của dân tộc Việt Nam, đồng thời, thể hiện rõ thiện chí hoà bình và quyết tâm sắt đá của nhân dân quyết bảo vệ nền độc lập vừa mới giành được sau hơn 80 năm dưới ách cai trị của thực dân. *Tuyên ngôn độc lập* không chỉ là bản tổng kết những giá trị tiên bộ chung của nhân loại trong cuộc đấu tranh vì độc lập và quyền bình đẳng thiêng liêng của các dân tộc, mà còn là nơi kết tinh và tỏ sáng những nét đẹp văn hoá rất tiêu biểu của dân tộc như: tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân ái, khoan dung và yêu chuộng hoà bình.

TINH THẦN YÊU NƯỚC NÔNG NÀN

Trong suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải chống chọi với thiên nhiên và giặc ngoại xâm. Cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ đó đã hình thành nên ý thức cộng đồng, ý thức tập thể và cao hơn là ý thức dân tộc, truyền thống yêu nước. Ý thức đó được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thấm thâu vào máu thịt của mỗi người dân nước Việt. Lịch sử đã minh chứng, trong hơn một ngàn năm Bắc thuộc, dân tộc Việt Nam đã phải liên tục chống lại các thế lực ngoại xâm từ phương Bắc tràn xuống: Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh để giành độc lập cho dân tộc với những tên tuổi làm rạng danh đất nước như: Hai Bà Trưng, Mai Hắc Đế, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám,... Sau này, Hồ Chí Minh đã tổng

kết truyền thống yêu nước của dân tộc trong một câu nói rất nổi tiếng: “*Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước*”.

Sức mạnh của lòng yêu nước đã hun đúc quyết tâm cứu nước, cứu dân và thôi thúc Hồ Chí Minh bôn ba tìm đường cứu nước. Cũng chính chủ nghĩa yêu nước là cơ sở dẫn Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và đến khi đất nước giành được độc lập, chính tinh thần ấy lại được kết tinh và tỏa sáng trong *Tuyên ngôn độc lập* - văn kiện đánh dấu sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.



Đông đảo nhân dân tập trung tại Quảng trường Ba Đình nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc Lập ngày 2/9/1945. (Ảnh: TTXVN)

Trong *Tuyên ngôn độc lập*, tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức sâu sắc về độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia dân tộc. Đó là sự tiếp nối dòng chảy của ý thức mãnh liệt về Tổ quốc, về núi sông bờ cõi, về chủ quyền quốc gia dân tộc được viết lên từ bài thơ thần Nam quốc sơn hà tương truyền của Lý Thường Kiệt đến áng “*thiên cổ hùng văn*” Bình Ngô Đại cáo của Nguyễn Trãi.

Nội dung chính của *Tuyên ngôn độc lập* là tuyên bố trước toàn thế giới “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thực sự đã thành một nước tự do và độc lập*”. Đó là sự tất yếu, là “*lẽ phải không ai chối cãi được*” bởi “*tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”. Thực dân Pháp xâm lược nước Việt Nam là đi ngược lại những giá trị chung, giá trị tốt đẹp của nhân loại đã được thừa nhận trong chính *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ (1776): “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*” và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1789: “*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*”.

Cách mạng Tháng Tám thành công, dẫn tới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của quân và dân ta từ khi có Đảng

lãnh đạo. Lời kết của *Tuyên ngôn độc lập* nêu rõ ý chí của dân tộc Việt Nam và thể hiện chân lý: “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*” - đó chính là biểu hiện cao nhất của chủ nghĩa yêu nước, nét đẹp văn hoá tiêu biểu nhất của dân tộc Việt Nam được kế thừa và phát triển suốt chiều dài lịch sử.

TINH THẦN ĐOÀN KẾT, KHOAN DUNG

Truyền thống của người dân tộc Việt Nam là “*lá lành đùm lá rách*”, “*thương người như thể thương thân*”, rộng hơn, đó là trong cộng đồng dân tộc “*người trong một nước phải thương nhau cùng*”. Từ nét đẹp văn hóa cao nhất đó là tinh thần yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa trở thành một nét đẹp văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam, đó cũng là tình cảm tự nhiên, là phép ứng xử và triết lý sống của mỗi người dân đất Việt.

Với nhân quan chính trị sắc bén, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc, đoàn kết không chỉ tạo nên sức mạnh mà còn là vấn đề có ý nghĩa quyết định tới việc “*sống - còn*”, “*thành - bại*”, “*được - mất*” trong cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc. Do đó, Người không ngừng xây dựng, hoàn thiện một hệ thống quan điểm về đại đoàn kết dân tộc đồng thời tích cực truyền bá tư tưởng đoàn kết trong toàn Đảng và trong các tầng lớp nhân dân. Tư tưởng và tấm gương đoàn kết Hồ Chí Minh là cơ sở, nền tảng cho sự thống nhất trong khác biệt để Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập hợp lực lượng, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho một dân tộc vốn đất không rộng, người không đông, tiềm lực kinh tế, quân sự không lớn, song đã đồng lòng đứng dậy dưới sự lãnh đạo của Đảng đấu tranh thoát khỏi ách nô lệ thực dân, giành độc lập, tự do.

Tuyên ngôn độc lập một mặt tố cáo việc thực dân Pháp dùng chính sách chia để trị, phá vỡ khối đoàn kết của dân tộc bằng cách “*lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết*”; mặt khác khẳng định kết quả của tinh thần đoàn kết mà nhân dân Việt Nam giành được là “*Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa*”. Để bảo vệ thành quả của cách mạng, *Tuyên ngôn độc lập* thể hiện ý chí sắt đá “*Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng quyết liệt chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp*”.

Cùng với đoàn kết, khoan dung cũng là sức mạnh. Ở *Tuyên ngôn độc lập*, sáng rõ hình ảnh đẹp của một dân tộc đầy lòng nhân ái, thương yêu con người. Đặc biệt hơn nữa, lòng nhân ái, tinh thần khoan dung trong *Tuyên ngôn độc lập* không phải là cách ứng xử đối với những người lầm đường, lạc lối thông thường mà đó là cách ứng xử đối với kẻ thù vốn “*không đội trời chung*”; không còn là cách ứng xử của một cá nhân mà là cách ứng xử của cả một dân tộc, hơn nữa là một dân tộc thắng trận.

Mặc dù, thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa. Mặc dù, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào, chúng thi hành những luật pháp dã man, chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học,

chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta, chúng “tắm” các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu, chúng thi hành chính sách ngu dân, dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều ... Và mặc dù mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp đã đẩy lên đỉnh điểm khi “*thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật*” và từ chối việc Việt Minh kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật... *Tuyên ngôn độc lập* vẫn nêu cao tinh thần nhân ái, khoan dung của dân tộc Việt Nam, gương cao ngạo cờ chính nghĩa và chính sách đúng đắn của Mặt trận Việt Minh: “*Đối với nước Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày mùng 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật, và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ*”.

Theo Hồ Chí Minh, cách ứng xử khoan dung đó “*cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh*”. Người đã nâng truyền thống nhân nghĩa, khoan dung của dân tộc lên tầm cao mới bằng cách kết hợp với chủ nghĩa nhân văn cộng sản. Cách ứng xử đó thể hiện tầm nhìn chiến lược, tầm cao văn hóa, tinh thần đối thoại, hòa giải ... mà nhân loại tiến bộ ngày nay đang phấn đấu vươn tới.



Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
(Ảnh: Tư liệu TTXVN)

YÊU CHUỘNG HÒA BÌNH

Hòa bình là khát vọng mà cả nhân loại tiến bộ phấn đấu và hướng tới. Những dân tộc càng trải qua nhiều chiến tranh, chịu đựng nhiều đau thương, mất mát do chiến tranh gây ra lại càng nhận thức được giá trị của hòa bình.

Tuyên ngôn độc lập đã nêu bật bản chất tàn bạo của chủ nghĩa thực dân với chính sách cai trị tàn độc của Pháp ở Việt Nam cả về kinh tế, chính trị, văn hoá,

giáo dục, nhất là hành động năm 1940, khi phát xít Nhật đến Đông Dương, thực dân Pháp chẳng những không “bảo hộ” được Việt Nam mà còn quý gỏi đầu hàng bán Việt Nam hai lần cho Nhật, khiến cho nhân dân ta càng thêm cực khổ, khiến cho “*hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói*”... Đó là những tội ác vi phạm quyền con người, quyền dân tộc, đi ngược lại khát vọng hoà bình của toàn nhân loại.

Trong điều kiện khắc nghiệt đó, dân tộc Việt Nam buộc phải kiên quyết đứng lên đấu tranh để tự giải phóng và để giành lại nền độc lập đã mất. Sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết và khát vọng hoà bình của Việt Nam là những nhân tố làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Việc *Tuyên ngôn độc lập* trịnh trọng tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời; thủ tiêu hoàn toàn chính quyền thực dân, phong kiến, khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam trước toàn thể nhân dân Việt Nam và toàn thế giới không những là tuyên ngôn về độc lập, tự do của dân tộc mà còn là tuyên ngôn về tinh thần yêu chuộng hoà bình của Việt Nam:

“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”

...

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”.

Hơn thế nữa, trong bối cảnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân trên thế giới trở thành vấn đề lớn của thời đại, Việt Nam đã bền bỉ đấu tranh chống sự thống trị và nô dịch của chủ nghĩa thực dân và đã giành được độc lập - đó cũng chính là đóng góp lớn lao của dân tộc và nhân dân Việt Nam đối với nền hoà bình thế giới. Do vậy, *Tuyên ngôn độc lập* khẳng định: “*Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt Nam*”, thể hiện tinh thần yêu hoà bình tha thiết không chỉ của Hồ Chí Minh mà còn của cả dân tộc Việt Nam. Và thực tế là *Tuyên ngôn độc lập* đã mở đầu kỷ nguyên độc lập, tự do của các dân tộc thuộc địa, bị áp bức trên toàn thế giới.

Tuyên ngôn độc lập không chỉ là một mốc son chói lọi, góp phần làm rạng rỡ lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam mà còn góp phần làm cho nền văn hiến Việt Nam trở nên toả sáng và có giá trị lâu bền. *Tuyên ngôn độc lập* gắn với Ngày Quốc khánh - Tết Độc lập khơi dậy niềm tự hào về thành quả cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, về Chủ tịch Hồ Chí Minh và hơn cả là về một dân tộc vĩ đại, giàu lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân ái, khoan dung và yêu chuộng hoà bình trong mỗi chúng ta.

Nguồn: TS. Trần Thị Hợi - ThS. Đinh Hồng Cường (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

V. BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

Phản bác luận điệu xuyên tạc cho rằng “Đảng Cộng sản Việt Nam cướp chính quyền của đế quốc Việt Nam” đưa đất nước vào 2 cuộc chiến chống Pháp, Mỹ khốc liệt

Hiện nay trên không gian mạng xuất hiện những bài viết ca ngợi “Đế quốc Việt Nam”; các tổ chức phản động cho rằng “Ngày 7 tháng 4 năm 1945, Đế Quốc Việt Nam được thành lập với Bảo Đại là vua và Trần Trọng Kim làm Thủ tướng Chính phủ lâm thời. Tuy thân Nhật, nhưng đây là một chính phủ mới được thành lập nhằm mục đích đón nhận nền độc lập được trao tay từ quân Nhật mà không phải qua chiến tranh đổ máu. Đây là nước đi vô cùng khôn khéo của vua Bảo Đại và Trần Trọng Kim. Nhưng tiếc thay, nó đã bị Cộng sản phá nát và dẫn đến hệ quả là xuất hiện 2 cuộc chiến thảm khốc sau này”.

Ý đồ rất rõ, họ muốn lái dư luận và đầu độc thế hệ trẻ, phủ nhận công lao của Đảng và nhân dân Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, thống nhất đất nước. Xuyên tạc sự thật lịch sử, bôi nhọ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đánh tráo khái niệm một cách tinh vi, xảo trá.

ĐẾ QUỐC VIỆT NAM là cái tên mỹ miều và có vẻ hùng mạnh mà Đế Quốc Nhật đặt cho khi “trao trả độc lập” cho Việt Nam. Nó chỉ tồn tại trong vài tháng, từ tháng 3 đến tháng 8, 1945 thì bị chính quyền cách mạng khai tử vì bản chất phản động, tay sai của nó. Ngày 9/3/1945, Nhật “đảo chánh” Pháp và “trao trả độc lập” cho Việt Nam. Sau đó Bảo Đại và Trần Trọng Kim lần lượt được người Nhật đưa lên ngôi trên 2 chiếc ghế gọi là “Quốc trưởng” và “Thủ tướng”. Nhật đuổi Pháp chỉ để thực hiện mục đích là khai thác tài nguyên, bắt phu bắt lính phục vụ cho ý đồ thôn tính thế giới của chủ nghĩa Phát xít. Cái gọi là “Đế quốc Việt Nam” do một tay người Nhật dựng lên, do người Nhật quyết định để hợp thức hóa việc xâm lược nước ta. Các “bộ” được thành lập nhưng cái quan trọng nhất là quân đội thì “Đế quốc Việt Nam” lại không được Nhật cho phép thành lập; nghĩa là quân đội do người Nhật nắm để phục vụ ý đồ họ, chống lại dân tộc Việt Nam. Bảo Đại và Trần Trọng Kim trơ mắt nhìn người Nhật tàn sát dân lành, cướp bóc, hãm hiếp, gây ra tội ác tày trời với nước ta.

Với chính sách bạo tàn và phi nhân tính, người Nhật bắt các tỉnh miền Bắc bỏ lúa để trồng đay, thu gom lúa gạo để chở về chính quốc đã gây ra cái chết oan nghiệt, đau thương của 2 triệu đồng bào miền Bắc và Bắc Trung bộ. Thái Bình là vựa lúa của miền Bắc nhưng dân Thái Bình chết do nạn đói 1945 lại cao nhất cả nước, tất cả cũng chỉ vì chính sách này. Bảo Đại và Trần Trọng Kim không dám lên tiếng khi mà các kho thóc của Nhật đầy ắp lúa gạo nhưng để nhân dân ta chết đói thảm thương. Người miền Bắc chỉ được cứu khi cách mạng tháng 8 diễn ra, Việt Minh phá kho thóc Nhật để cứu dân ta.

Dân thì chết đói thê thảm, Hoàng Đế Bảo Đại lại nói Việt Nam tin cậy vào Nhật, sẽ đem tài lực giúp cho Đế Quốc Đại Đông Á của Nhật, sẽ quyết chí đem hết tài sản đất nước Việt Nam “*hợp tác*” với Nhật. Vậy “*Đế quốc Việt Nam*” đã thực sự bán nước cho Nhật rồi còn gì.

“Nước Việt Nam sẽ gắng sức tự tiến triển cho xứng đáng một quốc gia độc lập và theo như lời tuyên ngôn chung của Đại Đông Á, đem tài lực giúp cho cuộc thịnh vượng chung. Vậy Chính phủ Việt Nam một lòng tin cậy lòng thành ở Nhật Bản đế quốc, quyết chí hợp tác với nước Nhật, đem hết tài sản trong nước để cho đạt được mục đích như trên” (Bảo Đại, “*Tuyên Ngôn Độc Lập*” 11/3/1945).

Trần Trọng Kim thì tuyên bố: “*Quốc dân phải gắng sức làm việc, chịu nhiều hy sinh hơn nữa và phải thành thực hợp tác với nước Đại Nhật Bản trong sự kiến thiết nền Đại Đông Á, vì cuộc thịnh vượng chung của Đại Đông Á có thành thì sự độc lập của nước ta mới không phải là giấc mộng thoáng qua*”.

Hy sinh nhiều hơn nữa ư? 2 triệu nhân mạng của người Việt để đổi lấy một “*chính phủ*” bù nhìn, vô thưởng vô phạt ấy, và sẽ còn cao hơn nữa nếu như Nhật không bị đồng minh đánh bại. Khi đó, Bảo Đại và Trần Trọng Kim lại vinh thân phì gia trên không biết bao xương máu của nhân dân ta nữa.

Những có kẻ đổ lỗi cho sự sụp đổ của “*ĐẾ QUỐC VIỆT NAM*” là do Việt Minh cướp “*chính quyền*”, nếu không thì Việt Nam đã có độc lập và không có chiến tranh là những kẻ không hề có trái tim và khối óc! Việt minh đuổi Nhật giành chính quyền về tay nhân dân chứ không phải là từ Pháp hay “*đế quốc Việt Nam*” vì bản chất “*đế quốc Việt Nam*” chỉ là đám ôm gói người Nhật, có quyền hành gì đâu mà bảo là cướp? Tuyên Bố Cairo ngày 27/11/1943 của phe Đồng minh đã nói rõ : Sẽ không công nhận bất cứ chính phủ nào do Đế Quốc Nhật thành lập tại các lãnh thổ chiếm đóng. Như vậy, “*ĐẾ QUỐC VIỆT NAM*” của Hoàng Đế Bảo Đại và Chính phủ Trần Trọng Kim chắc chắn sẽ không có tư cách pháp lý nào để tồn tại và sẽ bị phe đồng minh giải thể khi Nhật đầu hàng.

Muốn lấy lại quyền làm chủ vận mệnh thực sự của dân tộc thì chắc chắn chỉ người Việt Nam mới giành và giữ được chính quyền của dân tộc mình. Cụ Hồ và Đảng ta không bao giờ muốn chiến tranh, gây đau thương, mất mát nên đã nhân nhượng khi Pháp trở lại Việt Nam. Nhưng “*chúng ta càng nhân nhượng thì thực dân Pháp lại càng lấn tới, vì chúng muốn cướp nước ta một lần nữa*” vì lý do đó nên người Việt “*thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ*”. Đó là nguyên nhân để chúng ta phải chiến đấu với Pháp.

Mỹ thay Pháp để thực hiện chia cắt nước ta, vi phạm Hiệp định Giơnevơ và dựng lên cái gọi là “*đệ nhất cộng hòa*” của Diệm và “*đệ nhị cộng hòa của Thiệu*” để biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Đó là nguyên nhân mà cụ Hồ kêu gọi “*đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào!*” Đó là cuộc chiến giữa một bên là nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam với một bên là đế quốc Mỹ, chư hầu. VNCH cũng như Đế quốc Việt Nam về bản chất là giống nhau, chỉ khác một bên là tay sai của Nhật còn một bên là tay sai của Mỹ.

Từ những lẽ trên, có thể nói, luận điệu cho rằng: “*Đế Quốc Việt nam được thành lập với Bảo Đại là vua và Trần Trọng Kim làm Thủ tướng Chính phủ lâm thời. Tuy thân Nhật, nhưng đây là một chính phủ mới được thành lập nhằm mục đích đón nhận nền độc lập được trao tay từ quân Nhật mà không phải qua chiến tranh đổ máu. Đây là nước đi vô cùng khôn khéo của vua Bảo Đại và Trần Trọng Kim. Nhưng tiếc thay, nó đã bị Cộng sản phá nát và dẫn đến hệ quả là xuất hiện 2 cuộc chiến thảm khốc sau này*” là luận điệu xuyên tạc lịch sử, mục đích cuối cùng là phủ nhận công lao to lớn của Đảng, của Bác Hồ vĩ đại và của dân tộc Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đương nhiên những lập luận đó sẽ bị người Việt Nam bác bỏ vì nó vốn là sản phẩm của các thế lực thù địch.

Cách mạng tháng Tám thành công và thành quả vĩ đại mà nó mang đến chính là ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại của nhân dân Việt Nam anh hùng đã đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Từ đây đất nước ta đã đã dùng cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược; bảo vệ độc lập, tự do và phẩm giá của người Việt Nam. Đất nước ta rũ bùn đứng dậy sáng loà và có cơ đồ, vị thế, uy tín trên trường quốc tế như hôm nay đều nhờ trí tuệ, tâm huyết, máu xương của cha anh. Thời đại Hồ Chí Minh bất diệt! Lịch sử dân tộc đã chứng minh, những kẻ phản bội tổ quốc, đi ngược lợi ích của quốc gia, dân tộc như Bảo Đại, Trần Trọng Kim, Ngô Đình Diệm, Nguyễn Văn Thiệu...đều có kết cục chung là thảm bại. Hào khí Việt Nam sẽ nhấn chìm những kẻ bán nước cầu vinh.

(Nguồn: Fanpage “Sống Xanh”)

VI. THANH NIÊN CẦN BIẾT

Những chính sách có hiệu lực từ tháng 9/2023

1. Nâng mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng

Có hiệu lực từ ngày 5/9/2023, Nghị định số [55/2023/NĐ-CP](#) ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

Theo đó, mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng tăng từ 1.624.000 đồng lên 2.055.000 đồng.

Nghị định số 55/2023/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng đối với người có công với cách mạng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; mức hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; mức hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng

đối với thương binh loại B; mức hưởng trợ cấp ưu đãi một lần đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng.

2. Bổ sung quy định đánh giá, xếp loại chất lượng với cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật

Có hiệu lực từ 15/9/2023, Nghị định số [48/2023/NĐ-CP](#) ngày 17/7/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

Trong đó, quy định về nguyên tắc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, ngoài 4 nguyên tắc theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP, Nghị định 48/2023/NĐ-CP đã bổ sung thêm 2 nguyên tắc gồm:

5- Cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính thì đánh giá, xếp loại chất lượng như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính trong năm đánh giá thì xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Trường hợp hành vi vi phạm chưa có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền nhưng đã được dùng làm căn cứ để đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm đánh giá thì quyết định xử lý kỷ luật ban hành sau năm đánh giá đối với hành vi vi phạm đó (nếu có) không được tính để đánh giá, xếp loại chất lượng ở năm có quyết định xử lý kỷ luật.

c) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên, đã bị xử lý kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính về cùng một hành vi vi phạm nhưng quyết định kỷ luật đảng và quyết định kỷ luật hành chính không có hiệu lực trong cùng năm đánh giá thì chỉ tính là căn cứ xếp loại chất lượng ở một năm đánh giá.

6- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức tại cùng cơ quan, tổ chức đơn vị và đối với từng nhóm đối tượng có nhiệm vụ tương đồng không quá tỷ lệ đảng viên được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" theo quy định của Đảng. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có thành tích xuất sắc, nổi trội, hoàn thành vượt kế hoạch các công việc được giao, hoàn thành tốt các công việc đột xuất, có đề xuất hoặc tổ chức thực hiện đổi mới sáng tạo, tạo sự chuyển biến tích cực, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực thì cấp có thẩm quyền quyết định tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phù hợp với thực tế, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức viên chức.

3. Sửa quy định đấu giá trực tuyến

Có hiệu lực từ 1/9/2023, Nghị định [47/2023/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản. Trong đó, Nghị định 47/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định tổ chức đấu giá bằng hình thức đấu giá trực tuyến.

4. Tăng mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc

Thông tư 11/2023/TT-BNV hướng dẫn điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng cho cán bộ cấp xã già yếu đã nghỉ việc có hiệu lực từ 15/9/2023.

Theo đó, từ 01/7/2023, tăng mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã già yếu như sau:

Trợ cấp hằng tháng = Mức trợ cấp hưởng tháng 6/2023 x 1,125

Sau khi điều chỉnh, nếu mức trợ cấp của cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc thấp hơn 03 triệu đồng/tháng thì được điều chỉnh như sau:

- Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng nếu có mức hưởng dưới 2,7 triệu đồng/tháng/người.

- Tăng lên bằng 03 triệu đồng/người/tháng nếu có mức hưởng từ 2,7 - dưới 03 triệu đồng/người/tháng.

Do đó, các đối tượng cụ thể được điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng làm tròn số như sau:

- Nguyên là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Bí thư, Phó Chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân, Thư ký Hội đồng nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng công an xã: 03 triệu đồng/tháng/người.

- Các chức danh còn lại: 2,817 triệu đồng/tháng/người.

5. 9 lĩnh vực người có chức vụ thuộc Bộ Xây dựng sau khi thôi chức không được thành lập doanh nghiệp

Có hiệu lực từ 20/9/2023, Thông tư 05/2023/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi chức vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Theo Thông tư quy định, các lĩnh vực người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi chức vụ, như sau: 1- Quy hoạch xây dựng, kiến trúc, 2- Hoạt động đầu tư xây dựng, 3- Phát triển đô thị, 4- Hạ tầng kỹ thuật, 5- Nhà ở, công sở và thị trường bất động sản, 6- Vật liệu xây dựng, 7- Khoa học và công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, 8- Quản lý doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. 9- Chương trình, dự án, đề án thuộc các lĩnh vực được quy định tại các mục 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.

(Trích từ nguồn: baochinhphu.vn/)